

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**
Bản án số: 23/2020/HS-ST
Ngày: 07 – 8 - 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Minh.

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Quý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nghiêm Văn Hải – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2020/TLST- HS ngày 04 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn số: 04/2020/QĐ – HPT ngày 29/7/2020 đối với các bị cáo:

1/ Bị cáo Phạm Văn T – Sinh ngày 20 tháng 7 năm 1987, tại: Lâm Đồng; Nơi cư trú: Thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Quốc H– sinh năm 1956 và bà Đinh Thị M – sinh năm 1957; Vợ: Chị Phùng Thị S – Sinh năm 1992, con: có 02 con, con lớn sinh năm 2010 và con nhỏ sinh năm 2012;

Tiền án: Không;

Nhân thân: Ngày 01/11/2017 bị Ủy ban nhân dân huyện Đ xử phạt hành chính số tiền là 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc” (Chưa chấp hành).

Hiện bị cáo đang được tại ngoại. “*Có mặt*”.

2/ Bị cáo Đặng Văn T1 – Sinh ngày 23 tháng 02 năm 1981, tại: Lâm Đồng; Nơi cư trú: Thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn Đ1 – sinh năm 1955 và bà Cao Thị T3 – sinh

năm 1955; Vợ: Chị Nguyễn Thị Y – Sinh năm 1984, con: có 02 con, con lớn sinh năm 2002 và con nhỏ sinh năm 2004;

Tiền án: Không;

Nhân thân: Ngày 14/06/2011, bị Công an huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1,500.000 đồng về hành vi đánh bạc;

Ngày 13/03/2012, bị Công an huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc;

Ngày 01/11/2017 bị Ủy ban nhân dân huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1,500.000 đồng về hành vi đánh bạc;

Ngày 14/02/2019, bị Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc số tiền 1.500.000đ.

Hiện bị cáo đang được tại ngoại. “*Có mặt*”.

***Người có quyền lợi và N vụ liên quan:**

1/ Anh Hoàng Đình D – Sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ dân phố D1, TT Đ, huyện Đ, Lâm Đồng. “*Vắng mặt*”.

2/ Ông Phùng Thế T1 – Sinh năm 1968

Địa chỉ: Tổ dân phố A1, TT Đ, huyện Đ, Lâm Đồng. “*Có mặt*”.

3/ Anh Nguyễn Văn N – Sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn H1, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “*Vắng mặt*”.

4/ Ông Nguyễn Văn B – Sinh năm 1951

Địa chỉ: Tổ dân phố A1, TT Đ, huyện Đ, Lâm Đồng. “*Vắng mặt*”.

5/ Ông Đào Văn C – 1959

Địa chỉ: Thôn H2, xã Q, huyện Đ, Lâm Đồng. “*Có mặt*”.

***Người làm chứng:**

1/ Chị Nguyễn Thị L – Sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn A2, xã K, huyện Đ, Lâm Đồng. “*Vắng mặt*”.

2/ Ông Nguyễn Trọng T2 - Sinh năm 1968

Địa chỉ: Tổ dân phố D1, TT Đ, huyện Đ, Lâm Đồng. “*Vắng mặt*”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ 18 giờ đến 20 giờ ngày 20/11/2019, Đặng Văn T1, Trần Thị L, Nguyễn Văn B, Phùng Thế T1 và Hoàng Đình D lần lượt đến nhà Đào Văn C ở Thôn A5, xã Q (*nay là Thôn H1, xã Q*) huyện Đ với mục đích thăm mẹ của ông C bị ốm. Sau đó, Phạm Văn T chở Nguyễn Văn N cũng đến nhà ông C

chơi và rủ Đặng Văn T1, Nguyễn Văn B, Phùng Thế T1 và Hoàng Đình D đánh bài ăn tiền, riêng Trần Thị L, Đào Văn C không tham gia đánh bạc. Sau khi thống nhất đánh bài “Xì tố” hay còn gọi là “Xì tẩy” thì C chỉ chỗ cho T lấy 2 bộ bài và hộp gỗ có sẵn dưới gầm phản trong phòng ngủ và thống nhất và “đặt tẩy” với mức 200.000đồng/tẩy, tiền đi đường 20.000đ, sử dụng 02 bộ bài tú lơ khơ khác màu nhưng chỉ lấy những quân bài từ “A đến Xì” để chơi (*các bộ bài khác màu này để thay đổi trong quá trình chơi nhằm tránh việc người chơi có gian lận*), các quân bài từ “A đến Xì” được đặt trong một hộp gỗ có kích thước vừa bằng bộ bài, có đậy nắp, trên hộp gỗ có khe nhỏ để rút bài. Khi chơi, mỗi tụ được rút 01 quân bài lật ngửa trước mặt và lần lượt theo chiều ngược chiều kim đồng hồ giữa các người chơi. Sau khi rút xong một vòng thì thứ tự tiếp theo cũng rút như ban đầu nhưng các quân bài thứ hai thì úp xuống. Tụ nào có con bài ngửa lớn nhất thì được tổ trước, tiền tổ thấp nhất 20.000đ và cao nhất 200.000đ (*tiền tổ không cao hơn tiền tẩy*), ai không tổ thì có quyền úp bài và không mất tiền đi đường, người nào tổ thì tiếp tục bốc 01 quân bài và tiếp tục tổ cho đến khi rút đủ 05 lá bài/1 tụ và quyết định thắng thua khi chỉ còn 01 người chơi. Nếu khi rút đủ 05 quân bài mà còn hơn một người chơi thì những người đó lật bài để so bài, bài ai lớn nhất thì ăn tất cả. Khi hết tiền tẩy trên chiếu mà muốn chơi tiếp thì phải bỏ ra 200.000đ tiền tẩy mới để chơi. Sau khi thống nhất, Đặng Văn T1, Phùng Thế T1, Nguyễn Văn B, Hoàng Đình D, Phạm Văn T chơi đến ván thứ 2 (*chưa hết tẩy đầu tiên*) thì Nguyễn Văn N hỏi T xin chơi chung tụ thì T đồng ý, N nói “*em có 1.200.000đ*” thì T nói “*Anh bỏ ra trước 400.000đ, thắng thua chia đôi*”. N nói góp tiền chơi chung tụ nhưng chưa đưa tiền cho T. Trong lúc chơi thì Nguyễn Văn B nhờ C đi đổi tiền lẻ về để đánh bạc nên C lấy 300.000đ trong ví của mình ra định để đổi tiền lẻ nhưng thấy Nguyễn Trọng T2 trú tại TT. Đ đến chơi, ngồi uống nước thì C để số tiền 300.000đ vào trong hộp đựng trà trên chiếu bạc.

Khi Đặng Văn T1, Phạm Văn T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn B, Hoàng Đình D, Phùng Thế T1, đánh bạc đến 20 giờ 20 phút ngày 20/11/2019 thì bị lực lượng Công an huyện Đ bắt quả tang. Khi bị bắt quả tang, Hoàng Đình D dùng tay vơ tiền số tiền 2.000.000đ trên chiếu bạc bỏ vào túi quần chung với số tiền 1.580.000đ trong túi quần của D, sau đó D ném số tiền 3.600.000đ vào gầm giường cạnh chiếu bạc.

Quá trình điều tra và kết quả lấy lời khai của Phạm Văn T, Đặng Văn T1, Nguyễn Văn B, Phùng Thế T1, Hoàng Đình D, Nguyễn Văn N, Đào Văn C xác định số tiền sử dụng vào việc đánh bạc như sau:

- Đối với Hoàng Đình D mang theo số tiền mặt khoảng 3.600.000 đồng để trong bóp da. Trước khi đánh bạc D lấy bóp da và rút số tiền khoảng 2.000.000 đồng (*D không nhớ chính xác*) rồi cất vào túi quần bên trái, sau đó D lấy ra số tiền 600.000 đồng để đánh bạc và chỉ sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc, nếu thua hết thì nghỉ không chơi nữa, số tiền còn lại D vẫn để trong túi quần trái, khi bị Công an bắt quả tang thì D đã vơ toàn bộ số tiền trên chiếu bạc (*gồm số tiền của D và*

những người chơi khác trên chiếu bạc) rồi cất vào túi quần bên trái chung với số tiền của D. Khi cơ quan Công an lập biên bản thì D móc số tiền trong túi quần bên trái ra, ném vào gầm giường gần chiếu bạc, sau đó lực lượng Công an phát hiện và thu giữ số tiền 3.600.000 đ (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*).

- Đối với Đặng Văn T1 mang theo mang theo số tiền 3.740.000 đồng, T1 chỉ bỏ ra 600.000 đồng để đánh bạc, còn lại 3.140.000 đồng cất trong người và không có ý định sử dụng vào việc đánh bạc. Số tiền T1 sử dụng để đánh bạc để trên chiếu bạc đã bị D vơ vào túi quần, sau đó vứt vào gầm giường gần chiếu bạc trong tổng số tiền 3.600.000 đồng. Ngoài ra, Công an huyện Đ còn tạm giữ trên người của T1 số tiền 3.140.000 đồng.

- Đối với Nguyễn Văn B mang theo số tiền 5.100.000 đồng. B có ý định sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc. Khi bắt đầu đánh bạc B rút 300.000 đồng trong ví ra đặt trên chiếu đánh bạc và dự định nếu thua hết sẽ lấy thêm 200.000 đồng để đánh bạc, số tiền này B chưa bỏ ra chiếu bạc, số tiền 4.600.000đ không có ý định sử dụng vào mục đích đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, B đang thắng 100.000 đồng và đã cầm số tiền 400.000đ trên chiếu bạc bỏ vào ví (*bao gồm cả 300.000đ bỏ ra đánh bạc và 100.000 đồng tiền thắng bạc*). Công an huyện tạm giữ trong ví của B số tiền 5.200.000 đồng.

- Đối với Phùng Thế T1 mang theo số tiền 27.240.000 đồng. T1 chỉ bỏ ra 500.000 đồng để đánh bạc, còn lại 26.740.000 đồng cất trong người và không có ý định sử dụng vào việc đánh bạc. Số tiền T1 sử dụng để đánh bạc để trên chiếu bạc đã bị D vơ vào túi quần, sau đó vứt vào gầm giường gần chiếu bạc trong tổng số tiền 3.600.000 đồng. Ngoài ra, Công an huyện Đ còn tạm giữ trên người của T1 số tiền 26.740.000 đồng.

- Đối với Phạm Văn T mang theo số tiền 5.300.000 đồng. T chỉ bỏ ra 400.000 đồng để đánh bạc, vì T chơi chung một cửa với N nên nếu T thua hết số tiền 400.000 đồng này thì T sẽ lấy tiền của N chơi tiếp. Số tiền T sử dụng để đánh bạc để trên chiếu bạc đã bị D vơ vào túi quần, sau đó vứt vào gầm giường gần chiếu bạc trong tổng số tiền 3.600.000 đồng. Ngoài ra, Công an huyện Đ còn tạm giữ trên người của T số tiền 4.900.000 đồng.

- Đối với Nguyễn Văn N mang theo số tiền 1.200.000 đồng. Khi các đối tượng chơi xong ván đầu tiên thì N xin chơi chung cửa với T thì T hỏi có tiền không, N nói có 1.200.000đ, T thống nhất và nói bỏ ra trước 400.000đ rồi nhé, thắng thua chia đôi. N chưa đưa số tiền 1.200.000 đồng cho T. Công an huyện Đ thu giữ của N số tiền 1.200.000 đồng.

- Đối với Đào Văn C là chủ nhà, công cụ, phương tiện dùng đánh bạc bị Cơ quan Công an tạm giữ khi lập biên bản đều là của C, C không thu tiền xâu, không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng khi các đối tượng nhờ C đi đòi tiền lẻ, mua

thuốc, nước thì C đã chủ động lấy 300.000đ trong ví của mình ra với mục đích đi đổi tiền lẻ phục vụ cho các đối tượng đánh bạc. Tuy nhiên, C chưa kịp đi đổi tiền lẻ mà để 300.000 đồng vào hộp giấy (hộp đựng chè) và để trên chiếu bạc thì bị Công an bắt quả tang. Ngoài ra, Công an huyện Đ còn thu giữ của C số tiền 8.560.000 đồng.

Riêng Trần Thị L, Nguyễn Trọng T2 chỉ ngồi xem, không tham gia đánh bạc, nhưng L tự nguyện giao nộp số tiền 520.000đ, T2 giao nộp số tiền 6.100.000đ.

Quá trình điều tra Phạm Văn T, Đặng Văn T1, Nguyễn Văn B, Phùng Thế T1, Hoàng Đình D, Nguyễn Văn N, Đào Văn C khai nhận số tiền 300.000 đồng thu giữ trong hộp chè là của C định mang đi đổi tiền lẻ sử dụng vào việc đánh bạc. N và T chơi chung một tụ. Còn số tiền 3.600.000 đồng lực lượng Công an thu giữ trong gầm giường ngoài lời khai của D thì không ai biết đó là tiền gì, ở đâu.

Vì vậy, xác định tổng số tiền Đặng Văn T1, Phùng Thế T1, Phạm Văn T, Nguyễn Văn B, Hoàng Đình D, Đào Văn C và Nguyễn Văn N sử dụng vào mục đích đánh bạc là 4.100.000đ (Bốn triệu một trăm nghìn đồng), gồm: 300.000đ thu giữ trên chiếu bạc; 2.000.000đ mà D vơ trên chiếu bạc bỏ vào túi quần trước khi bị bắt quả tang sau đó ném vào gầm giường gần chiếu bạc; 600.000đ thu giữ trên người Nguyễn Văn B (gồm 500.000 đồng B sử dụng vào việc đánh bạc và 100.000đ B đang thắng bạc bỏ vào túi) và thu giữ trên người Nguyễn Văn N 1.200.000đ.

Còn số tiền 1.580.000đ thu giữ trên người Hoàng Đình D, số tiền 1.600.000đ D ném vào gầm giường khi bị bắt quả tang, số tiền 26.740.000đ thu giữ trên người Phùng Thế T1, số tiền 3.140.000đ thu giữ trên người Đặng Văn T1, số tiền 4.900.000đ thu giữ trên người Phạm Văn T, số tiền 4.600.000 đồng thu giữ trên người Nguyễn Văn B, số tiền 8.560.000đ thu giữ trên người Đào Văn C, số tiền 6.100.000đ thu giữ trên người Nguyễn Trọng T2, số tiền 520.000đ thu giữ trên người Trần Thị L khi bắt quả tang không có sở chứng minh là tiền sử dụng vào đánh bạc.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKSĐT ngày 03/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố các bị cáo Phạm Văn T và Đặng Văn T1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng, tuy nhiên Viện kiểm sát xin rút đối với nội dung về phần vật chứng là số tiền mà bị cáo và các đối tượng không sử dụng vào việc đánh bạc và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 6 (sáu) đến 9 (chín) tháng tù và đề nghị xử phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn T1 từ 9 (chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù và đề nghị xử phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

*Về vật chứng vụ án đề nghị:

-Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc chăn màu hồng sọc xanh kích thước 1,6mx02m; 02 bộ bài tú lơ khơ có 101 lá bài đã qua sử dụng; 01 hộp gỗ hình chữ nhật có phần nắp kích thước 10cm x 07cm; 01 chiếc hộp giấy vuông

- Tịch thu công quỹ theo quy định pháp luật số tiền 4.100.000 đồng.

*Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung của bản cáo trạng truy tố và nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không ý kiến hay khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn T và Đặng Văn T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận: Ngày 01/11/2017 Phạm Văn T đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc đến nay chưa chấp hành xong quyết định xử phạt. Đối với Đặng Văn T1, ngày 14/02/2019 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc đã chấp hành xong quyết định xử phạt. Đến khoảng 20 giờ ngày 20/11/2019, Phạm Văn T rủ Đặng Văn T1 cùng một số người khác tham gia đánh bạc tại nhà của ông Đào Văn C ở Thôn A5, xã Q (nay là Thôn H1, xã Q), huyện Đ. Quá trình điều tra xác định, tổng số tiền mà

Đặng Văn T1, Phạm Văn T, cùng các đối tượng khác sử dụng vào việc đánh bạc là 4.100.000đ (*Bốn triệu một trăm ngàn đồng*).

Qua lời khai nhận của bị cáo T và bị cáo T1 tại phiên tòa phù hợp với những tài liệu, chứng cứ đã được phản ánh trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của Phạm Văn T và Đặng Văn T1 đã phạm tội “*Đánh bạc*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét về vai trò của từng bị cáo:

Trong vụ án, các bị cáo tham gia thực hiện một cách tích cực nhưng không câu kết chặt chẽ và phân công vai trò của từng người, nên vụ án chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn, cùng cố ý thực hiện hành vi đánh bạc. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Xét vị trí, vai trò của từng bị cáo thấy rằng:

Đối với bị cáo Phạm Văn T ngày 01/11/2017 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc số tiền 1.500.000 đồng chưa chấp hành xong quyết định. Đến ngày 20/11/2019 bị cáo sử dụng 400.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Trong vụ án bị cáo là người khởi xướng mọi người cùng tham gia đánh bạc và bị cáo tham gia đánh bạc một cách tích cực nhất vì vậy bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn so với bị cáo T1.

Đối với bị cáo Đặng Văn T1 ngày 14/02/2019, bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc số tiền 1.500.000đồng, bị cáo đã chấp hành quyết định xử phạt nhưng đến ngày 20/11/2019 bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc với số tiền sử dụng là 600.000 đồng và bị cáo tham gia đánh bạc một cách tích cực. Tuy nhiên, bị cáo không phải là người kêu gọi, khởi xướng việc đánh bạc nên bị cáo chịu mức hình phạt thấp hơn.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và các tình tiết nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo:

Hành vi đánh bạc trái phép mà các bị cáo đã cố ý thực hiện với động cơ sát phạt lẫn nhau được thua bằng tiền nhằm tước đoạt tiền bạc của nhau đây là hành vi vi phạm pháp luật, nhà nước luôn nghiêm cấm đánh bạc dưới mọi hình thức. Đánh bạc là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn gia đình và là hệ lụy cho các loại tội phạm khác xảy ra, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn minh tại địa phương. Đó đó cần xử lý nghiêm minh các trường đánh bạc góp phần giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung trong cộng đồng.

Xét về nhân thân của bị cáo T thấy rằng: Ngày 01/11/2017 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, bị cáo chưa chấp hành xong quyết định xử phạt. Đến ngày 19/02/2020 bị cáo T tiếp tục sử dụng số tiền 400.000 đồng tham gia đánh bạc. Cho thấy, bị cáo có nhân thân xấu, không chấp hành đúng chính sách, pháp luật. Bị cáo nhận thức đánh bạc là sai trái nhưng vẫn cố ý thực hiện, bị cáo là người

khởi xướng cho việc đánh bạc đồng thời cũng là người có hành vi tích cực trong vụ án.

Xét về nhân thân của bị cáo T1 thấy rằng: Ngày 14/06/2011 bị xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1,500.000đ về hành vi đánh bạc. Ngày 13/03/2012 bị xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1,500.000đ về hành vi đánh bạc và ngày 01/11/2017 bị xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1,500.000 đồng về hành vi đánh bạc (T1 đã chấp hành xong). Thời gian gần nhất là ngày 14/02/2019 bị cáo tiếp tục bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Như vậy, bản thân bị cáo đã nhiều lần bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc, tuy bị cáo đã chấp hành xong quyết định xử phạt nhưng bị cáo không tự sửa chữa và lấy đó làm bài học cho bản thân mà bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc. Mặc dù, bị cáo nhận thức đánh bạc là vi phạm pháp luật, đánh bạc gây ra nhiều tác hại cho gia đình và xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Từ những phân tích trên, cho thấy, các bị cáo đều có ý thức về hậu quả của việc đánh bạc nhưng cố ý xem thường pháp luật, bất chấp sự nghiêm cấm của pháp luật. Do vậy, các bị cáo phải chịu một mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, vừa đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật vừa giữ gìn an ninh trật tự và cải tạo giáo dục bị cáo T người hữu ích cũng như có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình phạt cũng cần xem xét, giảm nhẹ cho các bị cáo một phần vì: tại phiên tòa bị cáo T và bị cáo T1 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo T và bị cáo T1 đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo T có cha ruột tham gia kháng chiến và được Nhà nước tặng Huân chương nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo T và T1 mỗi bị cáo số tiền nhất định để sung vào ngân sách nhà nước nhằm tác động một cách trực tiếp về mặt kinh tế của các bị cáo để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật và phòng ngừa tội phạm nói chung là phù hợp với khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

[6] Trong vụ án này còn có: Hoàng Đình D, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn N, Phùng Thế T1, Đào Văn C là những người cùng đánh bạc với các bị cáo với tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 4.100.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy hành vi của các đối tượng này chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên đã bị xử phạt hành chính là phù hợp.

[7] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ các vật chứng gồm:

- 01 chiếc chăn màu hồng sọc xanh kích thước 1,6mx02m; 02 bộ bài tú lơ khơ có 101 lá bài đã qua sử dụng; 01 hộp gỗ hình chữ nhật có phần nắp kích thước 10cm

x 07cm; 01 chiếc hộp giấy vuông; Xét thấy đây là những vật chứng các bị cáo dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

- Số tiền 61.840.000 đồng (Sáu mươi một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng), trong đó gồm: 57.740.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) là số tiền không liên quan đến hành vi đánh bạc nên cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu như sau: trả cho Hoàng Đình D 1.580.000đ thu giữ trên người và 1.600.000đ D ném vào gầm giường khi bị bắt quả tang, tổng cộng là 3.180.000 đồng, trả cho Phùng Thế T1 số tiền 26.740.000đ thu giữ trên người, trả cho Đặng Văn T1 số tiền 3.140.000đ thu giữ trên người, trả cho Phạm Văn T số tiền 4.900.000đ thu giữ trên người, trả cho Nguyễn Văn B số tiền 4.600.000 đồng thu giữ trên người, trả cho anh Đào Văn C số tiền 8.560.000đ thu giữ trên người, trả cho anh Nguyễn Trọng T2 số tiền 6.100.000đ thu giữ trên người, trả cho Trần Thị L số tiền 520.000đ thu giữ trên người phù hợp. Xét thấy việc trả lại số tiền không liên quan đến việc đánh bạc cho chủ sở hữu là phù hợp nên không xem xét.

Số tiền 4.100.000 đồng (Bốn triệu một trăm nghìn đồng) liên quan trực tiếp đến việc đánh bạc nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Hiện các công cụ, phương tiện sử dụng vào việc đánh bạc đang được lưu giữ tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, còn số tiền thu giữ khi bắt quả tang: 4.100.000 đồng đang được tạm gửi tại tài khoản tiền gửi của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Phạm Văn T và Đặng Văn T1** phạm tội “*Đánh bạc*”.

****Về hình phạt chính:***

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn T1 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

****Về hình phạt bổ sung :***

Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T phải nộp số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn T1 phải nộp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng :

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau : 01 chiếc chăn màu hồng sọc xanh kích thước 1,6mx02m; 02 bộ bài tú lơ khơ có 101 lá bài đã qua sử dụng; 01 hộp gỗ hình chữ nhật có phần nắp kích thước 10cm x 07cm; 01 chiếc hộp giấy vuông.

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu nộp vào ngân sách số tiền 4.100.000 đ (Bốn triệu một trăm ngàn đồng).

Hiện các vật chứng đang được lưu giữ tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 17/6/2020, Đối với số tiền 4.100.000 đồng trên hiện đang được tạm giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ số: 3949.0.1098084.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Đ theo giấy ủy nhiệm chi lập ngày 25/6/2020.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo T và bị cáo T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi và N vụ liên quan kháng cáo nội dung liên quan quyền và N vụ của mình lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Người có quyền lợi và N vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Người có QL & NVLQ;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Mỹ Diễm

